|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG**  **\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 06 năm thi hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử**

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Bộ Công Thương thực hiện tổng kết 06 năm thi hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là Nghị định 52) như sau:

**PHẦN I**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2013/NĐ-CP VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN**

**I. Đánh giá chung về Nghị định số 52/2013/NĐ-CP**

Ngày 16 tháng 5 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2006. Nghị định 52 quy định cụ thể về các mô hình hoạt động, cũng như công tác quản lý nhà nước về TMĐT.

Nghị định 52 được xây dựng với mục tiêu thiết lập hành lang pháp lý cho các giao dịch TMĐT được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để TMĐT phát triển, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng tập quán thương mại hiện đại cho Việt Nam. Năm nguyên tắc lớn trong quá trình xây dựng Nghị định bao gồm:

- Nghị định được xây dựng nhằm tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động ứng dụng TMĐT, qua đó thúc đẩy sự phát triển của TMĐT tại Việt Nam và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực này.

- Nghị định chỉ điều chỉnh những vấn đề mang tính đặc thù hoặc khi phát sinh trên môi trường điện tử thì có phạm vi tác động lớn hơn trong môi trường truyền thống, không nhắc lại những quy định pháp luật chung về kinh doanh - thương mại mà các chủ thể tham gia TMĐT đương nhiên có nghĩa vụ tuân thủ.

- Nghị định hướng tới việc đảm bảo sự bình đẳng giữa TMĐT và thương mại truyền thống, các chủ thể tham gia TMĐT phải tuân thủ nghĩa vụ pháp luật không nhiều hơn cũng không ít hơn khi tham gia hoạt động thương mại trong môi trường truyền thống.

- Các quy định được xây dựng nhằm đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các chủ thể tham gia TMĐT là doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Nghị định được xây dựng để điều chỉnh các hành vi ứng dụng TMĐT trong một giai đoạn tương đối dài, trong bối cảnh tốc độ đổi mới công nghệ của lĩnh vực này diễn ra hết sức nhanh chóng. Do vậy, các quy định của Nghị định cần được xây dựng trên nguyên tắc trung lập về công nghệ, để không trở thành khuôn khổ cứng nhắc hạn chế sự phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong thực tiễn hoạt động TMĐT.

Về cơ bản, Nghị định có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế nói chung, với xã hội tiêu dùng và với ngành TMĐT nói riêng. Đây là văn bản mang tính chất thúc đẩy phát triển TMĐT, cơ bản tạo môi trường minh bạch cho thị trường mua sắm trực tuyến, góp phần tạo thói quen tiêu dùng, mua sắm hiện đại của người dân. Điểm sáng trong giai đoạn này ghi nhận ở tốc độ phát triển về quy mô thị trường TMĐT B2C, số liệu này năm 2019 ước đạt 9,7 tỷ USD chiếm 4,65% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. Với mức tăng trưởng ổn định 30%/năm, doanh thu bán lẻ trực tuyến năm 2020 dự tính sẽ đạt 12 tỷ USD, tăng gấp 5,5 lần so với thời điểm trước khi ban hành Nghị định (giai đoạn năm 2012-2013 doanh thu TMĐT B2C chỉ xấp xỉ 2 tỷ USD). Như vậy, so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, doanh thu TMĐT B2C Việt Nam năm 2020 ước tính chiếm khoảng 5,4%. Với tốc độ tăng trưởng này, Việt Nam đang là một trong những thị trường TMĐT phát triển năng động nhất trong khu vực Đông Nam Á.

**II. Những nội dung cơ bản của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP**

1. **Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định**

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định là *“việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động TMĐT”.* Phạm vi này rộng hơn phạm vi của Nghị định về Thương mại điện tử ban hành năm 2006, trong đó chỉ giới hạn điều chỉnh việc *“sử dụng chứng từ điện tử trong hoạt động thương mại và hoạt động có liên quan đến thương mại”.*

Liên quan đến đối tượng áp dụng, tại Điều 2 Nghị định 52, đối tượng áp dụng được liệt kê là các thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TMĐT trên lãnh thổ Việt Nam. Nghị định này cũng mở rộng hơn so với Nghị định cũ là điều chỉnh cả các thương nhân, tổ chức nước ngoài có sự hiện diện tại Việt Nam thông qua *“hoạt động đầu tư, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam”.*

1. **Về giao kết hợp đồng trong thương mại điện tử**

Các quy định tại Chương II-Giao kết hợp đồng trong TMĐT, từ Điều 9 đến Điều 23 Nghị định 52 là các nội dung quan trọng, điều chỉnh các vấn đề pháp lý của chứng từ điện tử trong giao kết và thực hiện hợp đồng trên môi trường điện tử.

Mặc dù, giá trị pháp lý của văn bản, chứng từ điện tử trong giao dịch dân sự nói chung và thương mại nói riêng đã được đề cập tại Luật Giao dịch điện tử, Bộ Luật dân sự (sửa đổi), Luật Thương mại (sửa đổi). Cụ thể, Luật Giao dịch điện tử quy định thông tin ở dạng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý, Bộ luật Dân sự quy định giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu được coi là giao dịch bằng văn bản và Luật Thương mại thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu trong hoạt động thương mại, các thông điệp dữ liệu đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì được thừa nhận có giá trị pháp lý tương đương văn bản. Nghị định 52 đã kế thừa các quy định tại ba văn bản nói trên, đồng thời làm rõ quy định về các điều kiện để chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như bản gốc, về các tiêu chí để đánh giá tính toàn vẹn của chứng từ điệ tử và các tiêu chí về sự bảo đảm đủ tin cậy trong trao đổi và sử dụng chứng từ điện tử.

Liên quan đến các quy định về *“giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website TMĐT”.* Do đặc thù của môi trường Internet, quy trình giao kết hợp đồng trên các website TMĐT thường tuân theo những trình tự và điều kiện rất khác biệt so với giao dịch truyền thống. Trên môi trường điện tử, khách hàng là người đề nghị giao kết hợp đồng, nhưng thương nhân mới là người quy định các điều khoản của hợp đồng. Ngoài ra, người tiêu dùng khi tham gia giao dịch cũng thường bị hạn chế trong việc tiếp cận thông tin do những tiêu chí về sản phẩm, điều kiện giao dịch được cung cấp phân tán ở nhiều nơi trên website, thông tin cũng có thể không đầy đủ hoặc được cung cấp dưới những hình thức mà người tiêu dùng không dễ tiếp cận. Mục 2 Chương này được xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề nói trên và nâng cao tính minh bạch của quy trình giao dịch trên các website TMĐT.

**3. Về quản lý hoạt động thương mại điện tử**

Khoản 1 Điều 3 Nghị định 52 quy định *“Hoạt động TMĐT là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động, hoặc các mạng mở khác”.*

Thực tiễn hoạt động TMĐT giai đoạn 2013 cũng cho thấy, sự ra đời và phát triển của các mô hình kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT khá đa dạng. Nghị định chọn hướng tiếp cận điều chỉnh các hoạt động thương mại trên môi trường điện tử diễn ra trên website, do đây là hình thái phổ biến nhất. Các chủ thể truy cập vào website thông qua máy tính nối mạng Internet, mạng WAN, điện thoại nối mạng viễn thông di động... để tiến hành một phần hay toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại.

Việc nhận dạng và phân loại các mô hình kinh doanh này giúp cho công tác quản lý được thuận lợi. Bên cạnh đó, việc phân định quyền và trách nhiệm của các bên tham gia những mô hình kinh doanh này sẽ giúp thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch cho TMĐT. Với hai mục tiêu nói trên, Chương III về *Hoạt động thương mại điện* *tử* là chương quan trọng nhất và chiếm khối lượng lớn nhất trong toàn bộ nội dung của Nghị định.

Bên cạnh một số quy định chung như phân loại các chủ thể tham gia hoạt động TMĐT, các hình thức website TMĐT, và các nguyên tắc hoạt động TMĐT; nội dung chính của Chương III là những quy định cụ thể về hoạt động của từng loại hình website TMĐT, bao gồm 2 nhóm chính là (i) website TMĐT bán hàng và (ii) website cung cấp dịch vụ TMĐT. Trong đó, website cung cấp dịch vụ TMĐT lại chia thành 3 loại: sàn giao dịch TMĐT, website đấu giá trực tuyến, và website khuyến mại trực tuyến.

- *Website TMĐT bàn hàng:* Quy định về hoạt động của website TMĐT bán hàng chủ yếu tập trung vào nghĩa vụ của chủ website trong việc cung cấp thông tin, từ thông tin về thương nhân cho đến thông tin về hàng hóa, dịch vụ, giá cả, vận chuyển, thanh toán, và các điều kiện giao dịch chung. Những quy định này nhằm đảm bảo sự minh bạch thông tin và bảo vệ lợi ích cho người tiêu dùng khi tham gia giao dịch trên website TMĐT.

*- Website cung cấp dịch vụ TMĐT:* Chủ sở hữu những website dạng này không trực tiếp bán hàng hóa và dịch vụ đầu cuối đến người tiêu dùng, mà chỉ đóng vai trò cung cấp môi trường để người mua và người bán gặp gỡ, kết nối nhu cầu và tiến hành giao dịch. Mối quan hệ nhiều chiều giữa người mua, người bán và chủ website khiến sự phân định quyền và trách nhiệm trong mỗi giao dịch trên website trở nên phức tạp. Để giải quyết vấn đề đó, Chương III Nghị định đã quy định cụ thể trách nhiệm của các thương nhân, tổ chức chủ website và các thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên những website dạng này. Chương III cũng quy định một số nội dung mang tính đặc thù với mỗi loại hình website khác nhau, như quy chế hoạt động của giao dịch TMĐT, hợp đồng dịch vụ khuyến mại và thông tin về hàng hóa dịch vụ được khuyến mại trên website khuyến mại trực tuyến, hay các yếu tố mang tính kỹ thuật của một quy trình đấu giá tiến hành trên website đấu giá trực tuyến.

Nghị định quy định cụ thể ba cấp độ quản lý đối với hoạt động TMĐT, cụ thể:

i) Các thương nhân, tổ chức, cá nhân khi thiết lập website TMĐT bán hàng phải làm thủ tục *thông báo* với cơ quan quản lý nhà nước;

ii) Các thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT phải làm tiến hành *đăng ký* website cung cấp dịch vụ;

iii) Các tổ chức thực hiện một số chức năng giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT khác phải được cấp phép trước khi hoạt động.

***3.1. Các quy định về điều kiện thiết lập và thủ tục thông báo website thương mại điện tử bán hàng***

Tại Điều 52 Nghị định 52, các đối tượng được thiết lập website TMĐT bán hàng bao gồm các thương nhân, tổ chức và cả cá nhân đã được cấp mã số thuế cánhân. Việc cho phép cá nhân thiết lập website TMĐT bán hàng, thể hiện quyền tự do hoạt động thương mại của người dân, và sự hài hòa giữa phương thức kinh doanh truyền thống và phương thức kinh doanh trên môi trường điện tử.

Các đối tượng này thực hiện hoạt động thông báo hoàn toàn trên môi trường trực tuyến, thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ www.online.gov.vn. Các thông tin thông báo khá đơn giản và là các thông tin cơ bản được quy định tại Điều 53 Nghị định, ví dụ: tên miền website; loại hình hàng hóa, dịch vụ giới thiệu trên website; tên đăng ký của thương nhân, tổ chức hoặc tên của cá nhân sở hữu website; địa chỉ trự sở của thương nhân, tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân và một số các thông tin cơ bản khác.

Thẩm quyết xác nhận thông báo webiste TMĐT bán hàng là Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số).

***3.2. Các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử***

*Về điều kiện thiết lập website:* Nghị định 52 quy định đối tượng được thiết lập website loại hình này là các thương nhân, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. Mục đích của việc đăng ký là nhằm hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ TMĐT thiết lập website theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan quản lý nhà nước thống kê và theo dõi hoạt động của những website TMĐT này. Việc xác nhận đăng ký cho một website cung cấp dịch vụ TMĐT không có nghĩa là xác nhận hay đảm bảo uy tín kinh doanh và chất lượng hàng hóa, dịch vụ giao dịch trên website đó.

*Về thủ tục đăng ký:*Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT tại địa chỉ www.online.gov.vn, không cần phải tiếp xúc với cán bộ xét duyệt hồ sơ.

*Về thời điểm đăng ký:* thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT phải tiến hành đăng ký website sau khi website đã được hoàn thiện với đầy đủ cấu trúc, tính năng và thông tin theo đề án tại hồ sơ, nhưng trước khi website chính thức cung cấp dịch vụ đến người dùng. Quy định này nhằm đảm bảo cho cơ quan cấp đăng ký có thể rà soát, đối chiếu giữa thông tin thực tế hiển thị trên website với những thông tin được cung cấp tại hồ sơ đăng ký, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan cấp đăng ký tư vấn cho doanh nghiệp chỉnh sửa, bổ sung những thông tin còn thiếu trước khi đưa website vào hoạt động, nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người sử dụng dịch vụ.

*Về thẩm quyền cấp đăng ký***:** Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ, xác nhận đăng ký và quản lý, giám sát hoạt động của các website cung cấp dịch vụ TMĐT đã được cấp đăng ký.

***3.3. Các hoạt động đánh giá, giám sát và chứng thực trong TMĐT***

Bên cạnh các nội dung quy định về quản lý hoạt động đối với website TMĐT, Nghị định 52 còn có những quy định đối với 03 hoạt động: (i) hoạt động đánh giá tín nhiệm webiste TMĐT; (ii) hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT; (iii) hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử.

*- Hoạt động đánh giá tín nhiệm webiste TMĐT:* Hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐTlà hoạt động tương đối đặc thù và thường được các đơn vị truyền thông, tổ chức bảo vệ người tiêu dùng, hiệp hội ngành hàng thực hiện ở những quy mô khác nhau. Việc đánh giá tín nhiệm website TMĐT có thể phản ánh ý kiến đánh giá chủ quan của người tiêu dùng, hoặc dựa trên một bộ tiêu chí khách quan của các chuyên gia, nhưng cơ quan đánh giá sẽ phải chịu trách nhiệm về đánh giá của mình. Đa số hoạt động đánh giá tín nhiệm hiện nay được thực hiện trên cơ sở không thường xuyên và chỉ là một phần nhỏ trong hoạt động của các tổ chức này.

Điều 61 Nghị định 52 quy định điều kiện tiến hành hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT là các thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam; độc lập về mặt tổ chức và tài chính với các thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT được đánh giá tín nhiệm; có bộ tiêu chí và quy trình đánh giá website TMĐT được công bố công khai, minh bạch, áp dụng thống nhất cho các đối tượng được đánh giá. Nghị định 52 quy định, thương nhân, tổ chức thực hiện hoạt động này phải *đăng ký* với Bộ Công Thương.

*- Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT:* Điều 62 Nghị định 52 đặt nền tảng pháp lý cho việc triển khai hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT, bằng cách quy định về điều kiện cấp phép đối với thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động, cụ thể: phải là thương nhân, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời phải có tiêu chí và quy trình đánh giá chính sách bảo vệ thông tin cá nhân được công bố công khai, minh bạch, áp dụng thống nhât cho các đối tượng đánh giá. Điều 62 cũng quy định các thương nhân, tổ chức tiến hành hoạt động này phải có *giấy phép* (có thời hạn theo đề nghị cấp phép) do Bộ Công Thương cấp.

*- Hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử:* Điều 63 Nghị định 52 quy định về hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, với mục tiêu tạo thuận lợi cho giao dịch thương mại điện tử trong xã hội. Do các chứng từ, hợp đồng điện tử được xác nhận bởi tổ chức chứng thực hợp đồng điện tử sẽ có giá trị tham chiếu khi giải quyết các tranh chấp thương mại về sau. Nghị định 52 quy định điều kiện về chủ thể cung cấp dịch vụ này là thương nhân, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam, có đề án chi tiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ được Bộ Công Thương thẩm định. Theo đó, các đối tượng này khi thực hiện cung cấp dịch vụ phải có *giấy phép* hoạt động (có thời hạn theo đề nghị cấp phép) do Bộ Công Thương cấp.

**4. An toàn an ninh trong giao dịch thương mại điện tử**

Do đặc thù của giao dịch TMĐT là được thực hiện trên môi trường mạng, các đối tác thực hiện giao dịch mua bán, thanh toán mà không cần phải gặp mặt trực tiếp, nên nhu cầu về thông tin cá nhân là rất lớn, bao gồm cả những thông tin riêng tư nhất của khách hàng. Thông tin cá nhân đã và đang trở thành thứ hàng hóa có giá trị đối với doanh nghiệp. Người tiêu dùng khó có thể hình dung hết được những nguy cơ thông tin cá nhân của mình bị khai thác bất hợp pháp khi tham gia giao dịch, mua bán trên môi trường mạng.

Từ Điều 68 đến Điều 75 Nghị định 52 là các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT và an toàn thanh toán trong TMĐT. Các quy định trên được xây dựng trên cơ sở tham khảo các quy định khung của APEC về bảo vệ thông tin cá nhân trong thương mại điện tử (APEC Privacy Framework) để đảm bảo sự hài hòa với luật pháp quốc tế khi Việt Nam tham gia những cơ chế hợp tác về TMĐT của khu vực này trong tương lai.

Mục 1 Chương V “Bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT” cụ thể hóa quy định “Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng” của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 để phù hợp với hoạt động thu thập thông tin trong môi trường điện tử. Mục này quy định rõ các nguyên tắc cũng như cách thức thực hiện các nguyên tắc về bảo vệ thông tin cá nhân, từ việc thông báo và xin phép người tiêu dùng khi thu thập, sử dụng thông tin, cho đến nguyên tắc sử dụng, đảm bảo an toàn, kiểm tra, cập nhật và điều chỉnh cho thông tin cá nhân, cũng như trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện những quy định này.

Mục 2 “An toàn thanh toán trong TMĐT” quy định về trách nhiệm của những thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT trên đó có thực hiện thanh toán trực tuyến. Mục này cũng quy định các yêu cầu kỹ thuật đối với một hệ thống thanh toán trực tuyến trên website TMĐT nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho thông tin thanh toán của khách hàng.

**5. Về giải quyết tranh chấp và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong thương mại điện tử**

Chương VI Nghị định 52 đưa ra những quy định mang tính nguyên tắc về xử phạt vi phạm hành chính trong TMĐT (Điều 78). Ngoài ra, Chương VI cũng bao gồm một số quy định về nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong TMĐT (Điều 76) và thẩm quyền thanh tra, kiểm tra trong TMĐT (Điều 77).

Các hoạt động kinh doanh trên môi trường điện tử diễn ra rất đa dạng và phong phú, từ chủ thể tham gia hoạt động, đến mô hình – phương thưc hoạt động, các loại hình hàng hóa, dịch vụ cũng đa dạng dẫn đến các hành vi vi phạm cũng phức tạp và tinh vi. Để đảm bảo môi trường lành mạnh cho TMĐT phát triển, bên cạnh việc xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động TMĐT của các chủ thể trong xã hội, việc đảm bảo thực thi những quy định đó thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm cũng có vai trò không kém phần quan trọng. Trên tinh thần đó, trong giai đoạn 2014-2019, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành, hoặc tự ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật cụ thể, điều chỉnh các vấn đề về xử lý vi phạm hành chính trong TMĐT, về thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực TMĐT *(xem tại mục I Phần II báo cáo này).*

**PHẦN II**

**KẾT QUẢ THỰC THI NGHỊ ĐỊNH SỐ 52/2013/NĐ-CP**

**I. Tình hình xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và các văn bản liên quan đến lĩnh vực TMĐT**

Trong giai đoạn 2014 – 2018, để làm rõ các quy định tại Nghị định 52, Bộ Công Thương đã ban hành 03 Thông tư hướng dẫn, cụ thể:

i) Thông tư hướng dẫn số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử;

ii) Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động; và

iii) Thông tư 21/2018/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Bộ Công Thương sửa đổi một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứn gdụng trên thiết bị di động.

Tiếp đó, từ giai đoạn 2013 đến nay, nhằm hoàn thiện hạ tầng pháp lý về TMĐT, Bộ Công Thương đã trực tiếp trình Chính phủ một số các văn bản sau:

*Về chế tài xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT:*

- Nhằm hoàn thiên chế tài về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Nghị định 185). Theo đó, từ Điều 81 đến Điều 85 của Nghị định, có các quy định cụ thể đối với từng hành vi vi phạm, bám sát nội dung về quản lý hoạt động TMĐT tại Nghị định 52.

- Tiếp đó, ngày 19 tháng 11 năm 2015, Bộ Công Thương tiếp tục trình Chính phủ để ban hành Nghị định số 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185, với việc bổ sung các hành vi vi phạm về TMĐT trên các ứng dụng di động.

*Liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra về TMĐT:*

- Ngày 14 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động ngành Công Thương, trong đó quy định Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (nay là Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) là một trong những cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

- Ngày 10 tháng 8 năm 2016, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 15/2016/TT-BCT hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

*Về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh đối với lĩnh vực TMĐT:*

- Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Tại Chương V của Nghị định, Bộ Công Thương đã cắt giảm 8/21 điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực TMĐT được quy định tại Nghị định 52.

*Về quản lý các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT:*

- Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó, Nghị định có quy định cụ thể đối với các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT phải có giấy phép kinh doanh do Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính thực hiện việc cấp.

*Về thực hiện Chương trình phát triển TMĐT quốc gia tại Điều 7 Nghị định 52/2013/NĐ-CP*

- Ngày 11 tháng 5 năm 2014, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 – 2020.

*Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến TMĐT khác được ban hành từ năm 2013 đến nay xem tại Phụ lục kèm theo.*

**II. Tình hình tổ chức, thực hiện Nghị định 52/2013/NĐ-CP**

**1. Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật**

Bộ Công Thương là đơn vị chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. Ngay sau Nghị định ban hành, Bộ Công Thương đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ chủ động, tích cực, tổ chức triển khai và thực hiện hoạt động tập huấn, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ quản lý nhà nước tại 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, các thương nhân, tổ chức và các cá nhân có liên quan đến nội dung quản lý hoạt động TMĐT, cũng như hướng dẫn thi hành và làm rõ các quy định trong Nghị định này.

Trong quá trình triển khai thi hành Nghị định 52, Bộ thường xuyên tiếp nhận, trả lời vướng mắc của các thương nhân, tổ chức, cá nhân. Công tác hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc được thực hiện bằng nhiều hình thức như thông qua việc: hướng dẫn trực tiếp, công văn trả lời, công văn hướng dẫn nghiệp vụ, qua đường dây nóng điện thoại, qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, qua thư điện tử… Thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT (www.online.gov.vn, Bộ Công Thương đã chủ động xây dựng chuyên mục các nhóm câu hỏi thường gặp, phục vụ trả lời những vấn đề thường nhật của người dân. Mặt khác, do các thủ tục hành chính hiện hành về TMĐT được thực hiện 100% trên mạng, Bộ Công Thương đã thiết lập đường dây nóng, với 10 cán bộ trực tiếp trả lời điện thoại, thực hiện tư vấn và xử lý hồ sơ trực tuyến. Trung bình, trong giờ hành chính, Bộ Công Thương tiếp nhận hơn 6.500 cuộc tư vấn/năm cho người dân, thông qua đường dây nóng, hoặc trả lời trực tiếp, hoặc thông qua các hình thức trả lời bằng thư điện tử, trả lời bằng văn bản.

Việc giải đáp vướng mắc thông qua các hình thức nêu trên giúp cho thương nhân, tổ chức, cá nhân áp dụng pháp luật có cách hiểu và thực hiện đúng trong quá trình thực thi pháp luật về TMĐT, qua đó giúp bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia cũng như những người có liên quan.

**2. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật trong lĩnh vực TMĐT**

Trong giai đoạn 2013–2019, hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức về TMĐT đã được thực hiện liên tục, thường xuyên thông qua nhiều hình thức, phương thức như: hội thảo, tập huấn, xuất bản sách, tài liệu, cổng thông tin điện tử, báo chí, đào tạo trực tuyến .v.v.. Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật TMĐT được thực hiện cụ thể như sau:

- Thực hiện tuyên truyền, quảng bá thông tin tới thương nhân, tổ chức, cá nhân về các quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP, Nghị định 124/2015/NĐ-CP, Thông tư số 47/2014/TT-BCT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT. Đăng cảnh báo đến người dân nhiều trường hợp và hành vi lừa đảo như: Cảnh báo hiện tượng lừa đảo từ các website nạp thẻ; Thông báo tới các website cung cấp dịch vụ TMĐT về chiêu thức lừa đảo mới trên các website, mạng xã hội; Khuyến cáo về việc kinh doanh áo in hình lá cần sa trên các website TMĐT; Cảnh báo tình trạng lừa đảo bằng cách giả mạo thư điện tử giao dịch của doanh nghiệp, đồng thời yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ thương mại điện tử gỡ bỏ các sản phẩm vi phạm; Cảnh báo lợi dụng TMĐT để lừa đảo; Cảnh báo về bán hàng cấm, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ...

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn mua sắm trực tuyến an toàn; hướng dẫn người tiêu dùng để tránh mua phải hàng giả, hàng nhái và đăng tải công khai trên website của Cục TMĐT và KTS, Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ online.gov.vn; Xây dựng Báo cáo TMĐT qua các năm, Sách trắng TMĐT theo đó cập nhật các thông tin mới nhất về hạ tầng pháp luật TMĐT.

- Xây dựng tài liệu hỏi đáp về pháp luật TMĐT để hướng dẫn các đơn vị thực thi pháp luật, doanh nghiệp và người dân về pháp luật thương mại điện tử;

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức và giáo dục pháp luật, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp và người dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn), Cổng thông tin của Bộ Công Thương (moit.gov.vn), Website của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (idea.gov.vn), Cổng Thông tin quản lý hoạt động TMĐT (online.gov.vn), chuyên trang TMĐT trên báo điện tử www.vnexpress.net (ra mắt vào ngày 01/7/2015).

- Số liệu về hoạt động đào tạo, tập huấn về TMĐT trong giai đoạn 2013 – 2020 cụ thể như sau:

+ Từ năm 2013 đến năm 2015, Bộ Công Thương đã chủ động, tích cực triển khai mỗi năm hơn 95 các chương trình hội thảo, toạ đàm, các khóa tập huấn, tuyên truyền về TMĐT, về công tác quản lý nhà nước, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, kiểm tra các website TMĐT tại các tỉnh, thành phố trên khắp cả nước. Đối tượng tham gia các khóa tập huấn là các cán bộ quản lý nhà nước ở địa phương, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, ngoài ra còn có sự tham gia của sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Các khóa tập huấn trong giai đoạn này đón nhận sự tham gia của trên 5.000 lượt học viên/năm.

**+** Từ năm 2016 đến nay, Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương tổ chức tổng cộng hơn 263 lớp tập huấn về TMĐT trên phạm vi toàn quốc, với sự tham gia của trên 30.000 học viên; trung bình mỗi năm tổ chức khoảng 52 lớp tập huấn tại các địa bàn tỉnh/thành phố khác nhau cho gần 6.000 học viên. Số liệu cụ thể như sau: năm 2016: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 51 lớp cho khoảng 5.400 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc; năm 2017: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 50 lớp cho khoảng 5.600 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc.  Đào tạo, tập huấn riêng biệt cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại Hà Nội: 200 người; năm 2018: Phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 47 lớp cho khoảng 4.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp XNK tại Hà Nội: 11 lớp cho khoảng 220 người; năm 2019: tính đến hết tháng 11/2019, phối hợp với các Sở Công Thương tổ chức 62 lớp cho khoảng 5.800 đại biểu là cán bộ nhà nước, doanh nghiệp và sinh viên trên toàn quốc. Đào tạo cho doanh nghiệp XNK tại Hà Nội: 9 lớp cho khoảng 180 người. Phối hợp với Google đào tạo cho sinh viên và doanh nghiệp: 23 lớp cho khoảng 7.500 người.

+ Bên cạnh các hình thức phổ biến, tuyên truyền, đào tạo trực tiếp, Bộ Công Thương còn triển khai các giải pháp và chương trình đào tạo về thương mại điện tử trên môi trường trực tuyến (e-learning). Điển hình của chương trình e-learning là phối hợp với bộ phận bán hàng quốc tế của tập đoàn Amazon (Amazon Global Selling) để triển khai chương trình đào tạo 8 tuần về các kỹ năng bán hàng xuyên biên giới trên sàn giao dịch Amazon.com. Đối tượng tham gia là các giảng viên đại học chuyên trách về thương mại điện tử, thương mại quốc tế.

**3. Kết quả đạt được của ngành TMĐT từ khi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP có hiệu lực**

Nghị định 52/2013/NĐ-CP được đánh giá là văn bản trụ cột trong hệ thống pháp luật về TMĐT của Việt Nam, đánh dấu sự đổi mới về quan điểm quản lý nhà nước đối với một hình thức kinh doanh hiện đại. Thực tiễn cho thấy, việc ban hành Nghị định là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế của đất nước, góp phần tạo lập hành lang pháp lý cho hoạt động TMĐT, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên tham gia, đồng thời thúc đẩy TMĐT phát triển, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp.

***3.1. Tổng quan về tình hình phát triển TMĐT từ khi Nghị định 52/2013/NĐ-CP ra đời***

Tại Việt Nam, TMĐT đang trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng Việt Nam. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng về thị phần bán lẻ thuộc top ba của khu vực. Từ năm 2015 đến nay, tốc độ tăng trưởng của 03 nền kinh tế Internet lớn nhất khu vực Đông Nam Á đạt trung bình 33 - 35%, theo đó Việt Nam là 38%, đứng đầu là Indonesia với 49%, thứ ba là Phillipines (32%). Theo báo cáo "Nền kinh tế Internet Đông Nam Á" năm 2019 của Google và Temasek, nền kinh tế Internet của Đông Nam Á dự kiến đạt 100 tỷ USD trong 2019 và dự kiến sẽ đạt 300 tỷ USD vào năm 2025, trở thành một trong những khu vực tăng trưởng thương mại trực tuyến (online commerce) nhanh nhất thế giới.

So với năm 2013, bức tranh về tốc độ phát triển của TMĐT có nhiều thay đổi rõ nét, thị trường TMĐT bán lẻ tăng từ 2,2 tỷ USD năm 2013 lên 9,7 tỷ USD năm 2019; tốc độ tăng trưởng giai đoạn 05 năm trở lại đây ổn định ở mức 30%/năm, dự kiến năm 2020 dự tính sẽ đạt 12 tỷ USD, ước tính chiếm 5,4% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, tăng gấp 5,5 lần so với thời điểm trước khi ban hành Nghị định 52. Kết quả điều tra, khảo sát của Bộ Công Thương cũng cho thấy, tính đến năm 2019, Việt Nam có 44,8 triệu người tham gia mua sắm trực tuyến (số liệu này năm 2015 mới chỉ ghi nhận 30,3 triệu người). Theo nguồn số liệu thống kê khác của WeareSocial năm 2020, có 84% người dùng tại Việt Nam tìm kiếm thông tin về hàng hóa, dịch vụ, và 75% người dùng Việt Nam thực hiện mua hàng trực tuyến.

Báo cáo Kinh tế Internet Đông Nam Á năm 2019 của Google & Temasek cũng cho biết, tốc độ tăng trưởng doanh thu kinh tế Internet của Việt Nam đạt khoảng 25%/năm, ước đạt 43 tỷ USD vào năm 2025 (số liệu này không bao gồm doanh thu từ dịch vụ Online Media là 36 tỷ USD). Khái niệm “kinh tế Internet” của Báo cáo này tương tự như cách hiểu TMĐT hiện nay của Việt Nam, bao gồm các giao dịch thương mại thực hiện trên môi trường điện tử, du lịch trực tuyến, truyền thông trực tuyến và các dịch vụ gọi xe trực tuyến.

Nguồn số liệu khác từ WeareSocial công bố năm 2020 cho thấy, tỷ lệ trả tiền mặt tại Việt Nam khi mua hàng trực tuyến ước tính 17%, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khác cũng có nhiều thay đổi, chiếm đa số với 83%, cụ thể: thanh toán chuyển tiền sử dụng thẻ ngân hàng là 30%, ví điện tử là 11%, thẻ tín dụng là 37% và các hình thưc thanh toán không dùng tiền mặt khác (ví dụ thanh toán bằng thẻ cào, thẻ di động…) chiếm 6%.

Năm 2019, Bộ Công Thương ghi nhận, tỷ lệ doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp là 49%. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email; website, sàn giao dịch TMĐT/mạng xã hội lần lượt là 84%, 36% và 31%. Tỷ lệ doanh nghiệp đặt hàng qua các phương thức trên tương ứng là 84%, 44% và 32%.

***3.2. Tình hình xác nhận thông báo/đăng ký website, ứng dụng TMĐT***

Thực hiện quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, từ năm 2013 Bộ Công Thương đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký/thông báo website TMĐT qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT (www.online.gov.vn).

**Số lượng hồ sơ tiếp nhận trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT**

Số lượng doanh nghiệp và cá nhân đăng ký mở tài khoản dựa trên mã số thuế khai báo được ghi nhận trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT năm 2014 là 11.232 tài khoản (thời điểm sau một năm Nghị định có hiệu lực) lên đến 57.428 tài khoản (tính đến hết tháng 12 năm 2019). Trong đó, số lượng hồ sơ được Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý sau 06 năm tăng từ 10.187 hồ sơ năm 2014 lên đến 61.143 năm 2019.

**Số lượng website, ứng dụng TMĐT đã xác nhận thông báo, đăng ký**

Số lượng website/ứng dụng TMĐT đáp ứng nội dung quy định của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP và được Bộ Công Thương xác nhận thông báo/đăng ký giai đoạn 2014 - 2019 như sau: (i) website/ứng dụng TMĐT bán hàng được xác nhận thông báo năm 2014 là 4.653, năm 2019 là 29.370 website/ứng dụng, tăng 6,3 lần; (ii) website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT năm 2014 được xác nhận đăng ký là là 357, năm 2019 là 1.191 website/ứng dụng, tăng 3,4 lần. Trong đó, sàn giao dịch TMĐT là hình thức hoạt động chiếm số đông trong tổng số website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT được xác nhận đăng ký qua các năm, năm 2013 là 283 sàn, năm 2019 ghi nhận gần 1.000 sàn.

Việc thực hiện thông báo, đăng ký website/ứng dụng TMĐT của thương nhân, tổ chức, cá nhân đối với Bộ Công Thương là bước quan trọng trong việc minh bạch hóa thông tin, hỗ trợ công tác quản lý hoạt động TMĐT cũng như công tác bảo vệ người tiêu dùng trong giải quyết tranh chấp khi có vấn đề xảy ra. Thông qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT, người truy cập có thể tiếp cận thông tin về quy trình đăng ký, thông báo website/ứng dụng TMĐT cụ thể, đây cũng là kênh cảnh báo về các hành vi vi phạm pháp luật về TMĐT, cũng như các thông tin về các website/ứng dụng TMĐT vi phạm pháp luật.

Liên quan đến việc cấp đăng ký/cấp phép đối với 03 hoạt động: (i) hoạt động đánh giá tín nhiệm webiste TMĐT; (ii) hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT; (iii) hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính của 03 hoạt động này như sau:

- Đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm webiste TMĐT: Từ năm 2013 đến 2017 có 11 đơn vị đánh giá tín nhiệm website TMĐT được Bộ Công Thương xác nhận đăng ký (đăng ký này có thời hạn theo đề nghị của doanh nghiệp). Từ năm 2017 đến nay, không có đơn vị nào đăng ký cung cấp hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT.

- Đối với hoạt động hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT: Từ năm 2013 đến nay, chưa có đơn vị xin cấp phép.

- Đối với hoạt động hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử: Tháng 4/2020, có 01 đơn vị gửi hồ sơ thẩm định, xin cấp phép. Bộ Công Thương hiện đang trong quá trình thẩm định hồ sơ.

1. **Vận hành Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT**

Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2013, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp doanh nghiệp thực hiện thủ tục thông báo và đăng ký cung cấp dịch vụ TMĐT

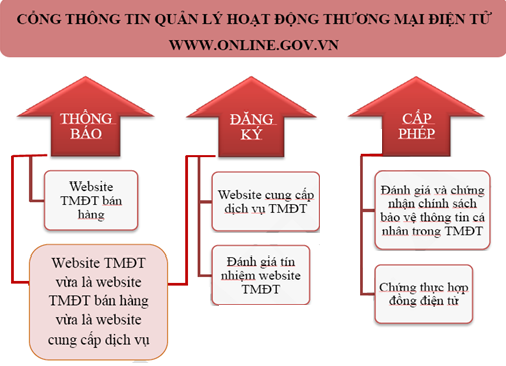
* 1. ***Tình hình thực hiện thông báo/đăng ký/cấp phép về TMĐT***

**Giao diện Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT**



Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT cho phép thương nhân, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký đối với website TMĐT, ứng dụng trên thiết bị di động; đăng ký đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm website TMĐT; cấp phép đối với hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin cá nhân trong TMĐT, chứng thực hợp đồng điện tử.

**Trách nhiệm thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký, cấp phép đối với website TMĐT**



* 1. ***Tình hình giải quyết tranh chấp, phản ảnh vi phạm về TMĐT***

Trong năm 2019, Bộ Công Thương đã tiếp nhận và xử lý khoảng 2.099 lượt phản ánh trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT. Trong đó, bao gồm các hành vi vi phạm chính như: không đăng ký, thông báo website; cung cấp sản phẩm không đảm bảo chất lượng; giả mạo doanh nghiệp khác nhằm lừa đảo khách hàng.

**Số lượng thông tin phản ánh của người dân trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT**[[1]](#footnote-1)

***3.3. Tình hình đăng cảnh báo về các hiện tượng lừa đảo, vi phạm pháp luật***

Cổng thông tin đăng tải công khai danh sách các website TMĐT đã thông báo/đăng ký và các website TMĐT vi phạm quy định của pháp luật.

**Cảnh báo trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT**



Như vậy thông qua Cổng thông tin, cơ quan quản lý nhà nước có công cụ thuận lợi để quản lý hoạt động TMĐT trên phạm vi cả nước. Đồng thời, thông qua Cổng thông tin, người truy cập biết được các hành vi vi phạm của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thông qua việc phản ánh của người dân trên Cổng, đảm bảo nhanh chóng đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp.

**5. Tình hình thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực TMĐT**

Bộ Công Thương và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố được giao chức năng thực hiện kiểm tra, thanh tra các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website TMĐT theo khoản 2 Điều 77 Nghị định số 52.

Ngày 14 tháng 12 năm 2015, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động ngành Công Thương, trong đó quy định Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (nay là Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) là một trong những cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. Ngày 10 tháng 8 năm 2016, Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 15/2016/TT-BCT hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương. Các văn bản trên là cơ sở pháp lý để đơn vị chức năng thực hiện tốt hơn vai trò quản lý, giám sát, kiểm tra các website thương mại điện tử nhằm phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm trong lĩnh vực quản lý của mình.

Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT là trang thông tin điện tử hiệu quả trong việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo của người dân và là kênh đăng tải thông tin về hành vi vi phạm pháp luật của website TMĐT. Năm 2019, Bộ Công Thương khai trương “Hệ thống quản lý và giải quyết phản ánh, khiếu nại, tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử”. Mục tiêu của Hệ thống nhằm chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn kịp thời, hiệu quả vấn nạn hàng giả trong TMĐT, tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Hệ thống là một trong 6 nhóm giải pháp quan trọng để đạt mục tiêu tăng cường công tác chống hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong TMĐT giai đoạn 2018 – 2020.

Tổng mức xử phạt vi phạm hành chính qua các năm từ 2015 đến 2019 ghi nhận như sau: năm 2015 là 3,5 tỷ đồng, năm 2016 là 4,5 tỷ đồng, năm 2017 gần 6 tỷ đồng, năm 2018 khoảng 7 tỷ đồng và năm 2019 là 16,9 tỷ đồng.

**PHẦN III**

**NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH 52**

**I. Hạn chế trong các quy định của pháp luật**

**1. Vấn nạn hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ và hàng kém chất lượng trên môi trường điện tử**

Hiện nay, các sàn giao dịch TMĐT là nơi tập trung phần lớn giao dịch TMĐT B2C và C2C, đồng thời cũng là nơi mà vấn nạn hàng giả, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ được phản ánh rõ nét nhất. Thực tiễn cho thấy mọi hoạt động từ xét duyệt thông tin người bán, đăng tải thông tin hàng hóa, giao dịch, thanh toán đều thông qua đơn vị vận hành sàn giao dịch TMĐT. Trong khi đó, nhiều sàn do có doanh thu từ việc thu phí giao dịch, đã thả lỏng việc xét duyệt hồ sơ của đối tượng tham gia sàn, dẫn đến hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả, hàng nhái tràn lan trên mạng mà không có biện pháp kiểm soát; nhiều mặt hàng còn đăng tải bằng ngôn ngữ bản địa như tiếng Trung, tiếng Hàn... khiến người tiêu dùng lúng túng khi tiếp cận thông tin.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định 52, người bán trên sàn giao dịch TMĐT có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ để khách hàng có thể xác định các đặc tính của hàng hóa, dịch vụ nhằm tránh sự hiểu nhầm khi quyết định việc đề nghị giao kết hợp đồng; tuy nhiên Nghị định chưa làm rõ các đặc tính nói trên bao gồm những thông tin gì. Hiện nay, các sàn giao dịch TMĐT đều có quy chế đăng tải thông tin khác nhau, và đều nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho người bán nên phần lớn không yêu cầu đăng rõ thông tin về nguồn gốc xuất xứ hay quy cách chất lượng, thông tin người bán cũng không rõ ràng, dẫn đến nhiều đối tượng lợi dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Đặc biệt trong thời gian gần đây, trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, khẩu trang và các dụng cụ y tế phòng chống dịch bệnh là mặt hàng thiết yếu trong mùa dịch, một số người lợi dụng tình hình khan hiếm để thu gom các khẩu trang y tế loại sử dụng một lần để tái chế, bán ra thị trường thông qua các kênh giao dịch TMĐT, đặc biệt là các mạng xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác phòng chống dịch bệnh.

Để hạn chế tình trạng nói trên, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần sửa đổi Nghị định 52, theo đó có những quy định cụ thể về thông tin hàng hóa, dịch vụ cần được đăng tải trên website TMĐT nói chung và sàn giao dịch TMĐT nói riêng, tăng cường nghĩa vụ của chủ sở hữu các sàn giao dịch TMĐT trong việc kiểm soát, sàng lọc thông tin, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của chủ thể này với những giao dịch được tiến hành trên sàn từ người bán nước ngoài.

**2. Hoạt động TMĐT trên mạng xã hội đang bùng nổ và khó kiểm soát**

Đề theo kịp với thực tiễn phát triển của hoạt động TMĐT sau khi Nghị định 52 được ban hành, Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương về quản lý website TMĐT đã quy định các mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch TMĐT phải tuân thủ các quy định về sàn giao dịch TMĐT tại Nghị định 52.

Theo báo cáo Người tiêu dùng kết nối – Khách hàng tiềm năng trong tương lai của các doanh nghiệp do Nielsen và Demand Institute công bố năm 2017, trong thời đại kinh tế số hiện nay, mức thu nhập của tầng lớp trung lưu chưa đủ để xác định người tiêu dùng có tiềm năng tác động đến nền kinh tế toàn cầu. Người tiêu dùng kết nối là những người thường xuyên kết nối với Internet và sẵn sàng chi tiêu cao sẽ là nguồn tăng trưởng mới của nền kinh tế. Dự báo, đến năm 2025, người tiêu dùng kết nối sẽ chiếm gần 40% dân số toàn cầu và đóng góp hơn 50% tổng mức tiêu dùng hằng năm trên toàn thế giới. Tại Việt Nam, theo nghiên cứu của chúng tôi, số lượng người tiêu dùng kết nối trong năm 2015 là 23 triệu người, tuy nhiên, con số này được dự đoán sẽ tăng gần như gấp đôi, đạt 40 triệu người trong năm 2025. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, chi tiêu hằng năm của người tiêu dùng kết nối tại Việt Nam sẽ tăng từ 50 tỉ USD trong năm 2015 lên đến 99 tỉ USD trong năm 2025. Và đến năm 2025, ước tính họ sẽ chiếm khoảng một nửa tổng tiêu dùng hằng năm.

Người tiêu dùng kết nối có xu hướng mua sắm đa kênh (omni-channel). Trước khi mua, họ sẽ thu thập và tìm kiếm thông tin về sản phẩm để tham khảo từ cả hai nguồn online và offline. Và 4 trong 5 người tiêu dùng kết nối sẽ tham khảo các nhận xét về sản phẩm trên các kênh trực tuyến (83%) và đặc biệt họ sẽ tìm kiếm nhận xét từ mạng xã hội (74%) trước khi quyết định có mua sản phẩm đó hay không. Trong lĩnh vực kinh doanh, mạng xã hội có ảnh hưởng rất lớn đối với tiếp thị và quan hệ khách hàng. Tại Việt Nam hiện nay, mạng xã hội hỗ trợ tích cực các hoạt động cung cấp thông tin về người bán, sản phẩm và dịch vụ, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm, chăm sóc khách hàng. Nhiều cá nhân và hộ gia đình đã triển khai hoạt động bán hàng hóa và dịch vụ thông qua mạng xã hội.

Kết quả khảo sát năm nay cho thấy mạng xã hội tiếp tục là kênh tiếp thị phổ biến nhất của các doanh nghiệp. Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá bán hàng qua mạng xã hội đạt hiệu quả cao là 45%, trong khi tỷ lệ này đối với bán hàng qua website là 32% và qua ứng dụng di động là 22%.

Tuy nhiên, hoạt động TMĐT trên mạng xã hội có những đặc điểm không tương đồng với sàn giao dịch TMĐT; việc áp dụng quy định chung như hiện nay, thực tiễn cho thấy chưa phù hợp. Mạng xã hội khá đa dạng ở cách thức đăng bài, có thể là trên trang cá nhân, hoặc trên chuyên trang (fanpage), hoặc trên marketplace của facebook; mặt khác cách thức giao kết hợp đồng, thỏa thuận mua bán, hay phương thức thanh toán cũng đa dạng, không thông qua sàn. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, cần có những yêu cầu cụ thể đối với đơn vị quản lý mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch thương mại điện tử trong văn bản ở mức Nghị định thay vì ở Thông tư như hiện nay. Đồng thời, bổ sung các quy định đặc thù riêng, khi giao dịch giữa các bên có thể được tiến hành ngoài tầm kiểm soát của đơn vị quản lý mạng xã hội.

**3. Khó khăn trong quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới**

Hiện nay, nhiều doanh nghiệp và cá nhân đang thực hiện việc quảng bá, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên các website/ứng dụng TMĐT hoặc mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch TMĐT mà đơn vị quản lý không hiện diện tại Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP (hiện diện thông qua hoạt động đầu tư, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam).

Khi phát sinh vấn đề trong quá trình giao dịch, việc liên hệ với chủ thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ để giải quyết sẽ gặp nhiều khó khăn, việc yêu cầu các chủ website/ứng dụng phối hợp xử lý những hành vi vi phạm pháp luật cũng có nhiều bất cập do khoảng cách địa lý và độ trễ thời gian. Trong bối cảnh hoạt động TMĐT ngày càng phát triển trên quy mô toàn cầu, đây là một thách thức lớn với cơ quan quản lý không chỉ riêng tại Việt Nam.

Khía cạnh thứ hai của hoạt động TMĐT xuyên biên giới là số lượng người bán nước ngoài trên các sàn TMĐT Việt Nam hiện đang gia tăng về số lượng. Với việc những sàn TMĐT lớn đều cho phép cá nhân và thương nhân nước ngoài mở tài khoản bán hàng và hỗ trợ khâu logistics, hiện nay người bán nước ngoài đã có thể dễ dàng bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng Việt Nam, và hàng hóa lưu thông theo kênh này không chịu sự kiểm soát về chất lượng cũng như khó quản lý về thuế. Thực tiễn trên đang đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động phân phối trong TMĐT, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giao dịch trực tuyến.

**4. Khó khăn trong việc quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vào doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam**

Với tốc độ tăng trưởng hàng năm thuộc top 03 quốc gia đẫn đầu khu vực Đông Nam Á, TMĐT Việt Nam đang là lĩnh vực thu hút mạnh các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Hiện nay, cả 4 sàn giao dịch TMĐT lớn nhất (Shoppe, Lazada, Tiki và Sendo) đều có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó nhà đầu tư Trung Quốc nắm tỷ trọng đáng kể tại 3 sàn.

Thực tiễn cho thấy, hoạt động đầu tư được thực hiện chủ yếu thông qua đầu tư gián tiếp thông qua công ty con tại một quốc gia thứ ba, hoặc thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh khác ngoài việc góp cổ phần. Với những nguồn đầu tư gián tiếp, việc định danh, quản lý và giám sát doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực TMĐT gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian gần đây, Bộ Công Thương nhận được ý kiến quan ngại từ một số cơ quan, tổ chức cho rằng với vai trò ngày càng lớn của TMĐT trong hệ thống phân phối nói riêng và hoạt động kinh tế-xã hội nói chung, việc nhà đầu tư nước ngoài chi phối lĩnh vực TMĐT có thể dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực đối với hệ thống thương mại, thị trường sản xuất nội địa và vấn đề an ninh thông tin quốc gia, cụ thể:

- Thông qua nắm giữ các cơ sở dữ liệu liên quan đến hàng trăm nghìn người bán và hàng triệu người mua của các sàn giao dịch TMĐT, nhà đầu tư nước ngoài có thể khai thác một lượng lớn dữ liệu của người dân và kiểm soát được một kênh thông tin quan trọng có tác động đáng kể đến lĩnh vực sản xuất tiêu dùng trong tương lai.

- Nhà đầu tư nước ngoài, thông qua việc tham gia quản lý các sàn giao dịch TMĐT, có thể tác động đến chính sách chung của sàn trong việc hỗ trợ kỹ thuật và tạo thuận lợi cho người bán nước ngoài tham gia bán hàng trên sàn, từ đó tăng tỉ trọng hàng nhập khẩu trong các kênh phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng;

- Bất bình đẳng về quản lý hoạt động thương mại hàng hóa, theo đó quy định hiện hành đang quản lý chặt việc mở rộng hệ thống phân phối của doanh nghiệp FDI, trong khi đó lĩnh vực TMĐT chưa có quy định cụ thể.

- Khi sàn được kiểm soát bởi các nhà đầu tư nước ngoài, về lâu dài, có thể kéo theo nhiều hệ lụy như tràn lan hàng nước ngoài, giảm tỷ lệ hàng nội địa và người bán hàng Việt, từ đó triệt tiêu hoạt động sản xuất trong nước.

Hiện nay, Nghị định 52 không có quy định về việc quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vào doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, có nội dung quy định về các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT, phải có giấy phép kinh doanh do Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính thực hiện việc cấp. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào quy định cụ thể về các biện pháp giám sát nhằm đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp nội địa với doanh nghiệp nước ngoài trên các hệ thống TMĐT do tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài nắm giữ, cũng như đảm bảo sự bình đẳng về quản lý giữa mô hình phân phối truyền thống và mô hình phân phối TMĐT.

5. Nhu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính và giảm nhẹ gánh nặng tuân thủ cho các hình thái hoạt động TMĐT thô sơ

Thực tiễn cho thấy, TMĐT đang trở thành xu hướng của doanh nghiệp và người mua sắm; tuy nhiên, hiện nay có nhiều đối tượng, đặc biệt là cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, các doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp mới khởi nghiệp xây dựng website chỉ với mục đích đơn giản nhằm giới thiệu công ty, tổ chức, giới thiệu sản phẩm/dịch vụ, không có tương tác với người truy cập, không có đặt hàng trực tuyến trên website, hoạt động thương mại rất mờ nhạt.

Trong khi đó, khái niệm về website TMĐT bán hàng theo khoản 1 Điều 25 Nghị định số 52 hiện nay là tương đối rộng: Website TMĐT bán hàng là website TMĐT do các thương nhân, tổ chức, cá nhân tự thiết lập để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình”. Theo quy định tại Nghị định 52, cá nhân, thương nhân thiết lập website TMĐT bán hàng phải thực hiện thủ tục thông báo với Bộ Công Thương. Từ khi Nghị định 52 có hiệu lực, đến nay ghi nhận có hơn 29.000 website TMĐT bán hàng đã được xác nhận thông báo. Trong đó, khảo sát năm 2019 của Bộ Công Thương cho thấy, có đến 49% các website này ở mức độ rất cơ bản, không có tương tác, không có đặt hàng trực tuyến, không cập nhật nội dung thường xuyên và chỉ đơn thuần giới thiệu doanh nghiệp, sản phẩm/dịch vụ đang cung cấp. Việc tiếp tục duy trì yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo đối với chủ sở hữu các website này là không cần thiết, mà có thể áp dụng hậu kiểm trong quá trình thanh tra, kiểm tra, hay áp dụng chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định tại Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản có liên quan khác.

**II. Hạn chế trong việc thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân**

Quá trình thực hiện Nghị định 52, nhiều thương nhân, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện đúng các quy định tại Nghị định. Nguyên do là vì:

1. Ý thức thực hiện của các thương nhân, tổ chức, cá nhân chưa tốt.

2. Việc vi phạm pháp luật thu lợi nhiều hơn mức độ xử phạt nên sẵn sàng vi phạm.

3. Cơ quan nhà nước còn thiếu các hệ thống giám sát hiệu quả**.**

4. Chế tài xử lý vi phạm chưa mạnh, chưa đủ răn đe đối với các đối tượng đã vi phạm hoặc đang có ý định vi phạm.

**PHẦN IV**

**MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU NGHỊ ĐỊNH 52**

**I. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP hướng đến các mục đích sau đây:

- Nhằm hoàn thiện thể chế, pháp luật về TMĐT để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT Việt Nam tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ thời gian qua, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong hệ thống thương mại nội địa;

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP như đã phân tích ở trên, đảm bảo môi trường lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng cho TMĐT, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT;

- Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp triển khai ứng dụng TMĐT.

**II. Quan điểm**

Việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

- Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó thương mại điện tử được coi là một trong những lĩnh vực ưu tiên phát triển;

- Hai là, bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan về hoạt động thương mại, đầu tư, quản lý dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

- Ba là, căn cứ vào kết quả tổng kết thực hiện Nghị định số 52/2013/NĐ-CP để kế thừa những kết quả đạt được, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn triển khai Nghị định số 52/2013/NĐ-CP;

- Bốn là, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế;

**III. Định hướng xây dựng Nghị định**

Để giải quyết những vấn đề nêu tại phần I, dự kiến Nghị định sẽ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52 đối với một số nội dung sau:

1. Bổ sung quy định nhằm minh bạch hóa thông tin trên các website TMĐT, tăng cường trách nhiệm của chủ sở hữu các sàn giao dịch TMĐT trong quản lý hoạt động TMĐT trên sàn;

2. Quy định cụ thể về hoạt động TMĐT trên mạng xã hội và trách nhiệm tương ứng của đơn vị quản lý mạng xã hội;

3. Bổ sung nội dung về quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vào doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam;

4. Thu hẹp đối tượng thực hiện thủ tục thông báo website TMĐT bán hàng;

5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác:

- Hợp nhất quy định tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định 52/2013/NĐ-CP về hoạt động TMĐT trên ứng dụng di động;

- Bổ sung trách nhiệm của chủ thương hiệu đối với hàng hóa, dịch vụ giao dịch trên các kênh TMĐT;

- Quy định về vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan trong việc quản lý hoạt động TMĐT;

- Sửa đổi quy định về cách thức hiện diện của thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động TMĐT trên lãnh thổ Việt Nam.

Trên đây là kết quả tổng kết 06 năm thi hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, Bộ Công Thương trân trọng báo cáo./.

**Phụ lục**

**CẬP NHẬT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian ban hành** | **Luật** | **Trạng thái hiệu lực** |  |
| 14/6/2019 | Luật Phòng, Chống tác hại của rượu, bia (PCTHRB) |  |  |
| 14/6/2019 | Luật Thi hành án hình sự |  |  |
| 13/6/2019 | Luật Quản lý Thuế |  |  |
| 12/6/2018 | Luật An ninh mạng |  |  |
| 20/6/2017 | Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự |  |  |
| 12/6/2017 | Luật Quản lý ngoại thương (QLNT) |  |  |
| 12/6/2017 | Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa |  |  |
| 22/11/2016 | Luật sửa đổi, bổ sung điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư |  |  |
| 6/4/2016 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế |  |  |
| 1/1/2016 | Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư |  |  |
| 27/11/2015 | Bộ Luật Hình sự | Hết hiệu lực một phần |  |
| 24/11/2015 | Bộ Luật Dân sự |  |  |
| 19/11/2015 | Luật An toàn thông tin mạng (ATTTM) |  |  |
| 26/11/2014 | Luật Doanh nghiệp |  |  |
| 26/11/2014 | Luật Đầu tư | Hết hiệu lực một phần |  |
| 21/6/2012 | Luật Quảng cáo |  |  |
| 23/11/2009 | Luật Viễn Thông |  |  |
| 29/6/2006 | Luật Công nghệ thông tin (CNTT) |  |  |
| 29/11/2005 | Luật Giao dịch điện tử (GDĐT) |  |  |
| 14/6/2005 | Luật Thương mại |  |  |
|  | **Nghị định hướng dẫn Luật** |  | **Văn bản bên trên** |
| 14/02/2020 | Nghị định 24/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia |  | Luật PCTHRB |
| 17/01/2020 | Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô |  | Luật Đầu tư |
| 24/12/2018 | Nghị định 165/2018/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính |  | Luật GDĐT |
| 27/9/2018 | Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số |  | Luật GDĐT |
| 12/9/2018 | Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ |  | Luật GDĐT |
| 01/3/2018 | Nghị định số 28/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương |  | Luật QLNT |
| 01/3/2018 | Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng |  | Luật CNTT |
| 15/01/2018 | Nghị định 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài , tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | Luật Thương mại,  Luật QLNT |
| 15/01/2018 | Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | Hết hiệu lực một phần | Luật Thương mại |
| 24/4/2017 | Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện |  | Luật Viễn thông |
| 24/12/2016 | Nghị định 166/2016/NĐ-CP quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp | Hết hiệu lực một phần |  |
| 21/11/2016 | Nghị định 156/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính |  | Luật GDĐT |
| 1/7/2016 | Nghị định 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt |  | Luật CNTT |
| 1/7/2016 | Nghị định 81/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông |  | Luật Viễn thông |
| 14/11/2013 | Nghị định 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo | Hết hiệu lực một phần | Luật Quảng cáo |
| 08/11/2013 | Nghị định 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung |  | Luật CNTT |
| 15/7/2013 | Nghị định 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng |  | Luật CNTT |
| 16/5/2013 | Nghị định 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử | Hết hiệu lực một phần | Luật GDĐT |
| 22/11/2012 | Nghị định 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (thay thế Nghị định số 64/2001/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán) |  | Luật CNTT |
| 5/10/2012 | Nghị định 77/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 90/2008/NĐ-CP về chống thư rác | Hết hiệu lực một phần | Luật GDĐT |
| 13/6/2011 | Nghị định 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước |  | Luật CNTT |
| 06/4/2011 | Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông |  | Luật Viễn thông |
| 13/8/2008 | Nghị định 90/2008/NĐ-CP về chống thư rác | Hết hiệu lực một phần | Luật GDĐT |
| 08/3/2007 | Nghị định 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng |  | Luật GDĐT |
| 23/02/2007 | Nghị định 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính |  | Luật GDĐT |
|  | **Xử lý vi phạm** |  | **Văn bản bên trên** |
| 03/02/2020 | Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử |  | Luật Viễn thông, Luật CNTT, Luật GDĐT, Luật ATTTM |
| 24/4/2017 | Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện |  |  |
| 20/3/2017 | Nghị định 28/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo |  |  |
| 19/11/2014 | Nghị định 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/ NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng |  |  |
| 14/12/2015 | Nghị định 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Công Thương |  |  |
| 07/4/2014 | Nghị định 25/2014/NĐ-CP quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao |  |  |
| 15/11/2013 | Nghị định 185/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | Hết hiệu lực một phần |  |
| 13/11/2013 | Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện |  |  |
| 12/11/2013 | Nghị định 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch và quảng cáo |  |  |
|  | **Thông tư hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định** |  |  |
| 18/12/2019 | Thông tư 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành |  |  |
| 30/9/2019 | Thông tư 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ |  |  |
| 20/9/2019 | Thông tư 66/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế |  |  |
| 19/7/2019 | Thông tư 06/2019/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet |  |  |
| 31/8/2018 | Thông tư 21/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia |  |  |
| 28/8/2018 | Thông tư 19/2018/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Trung Quốc |  |  |
| 20/8/2018 | Thông tư 21/2018/TT-BCT sửa đổi một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động |  |  |
| 19/12/2017 | Thông tư 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán |  | Nghị định số 27/2007/NĐ-CP |
| 15/12/2017 | Thông tư 133/2017/TT-BTC quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước |  | Nghị định số 27/2007/NĐ-CP |
| 19/12/2017 | Thông tư 41/2017/TT-BTTTT quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước |  | Nghị định số 26/2007/NĐ-CP |
| 27/4/2017 | Thông tư 37/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính, thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính |  |  |
| 30/12/2016 | Thông tư 37/2016/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia | Hết hiệu lực một phần |  |
| 14/10/2016 | Thông tư 30/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và dịch vụ trung gian thanh toán | Hết hiệu lực một phần |  |
| 30/6/2016 | Thông tư 20/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động và Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán |  |  |
| 06/6/2016 | Thông tư 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực | Hết hiệu lực một phần |  |
| 31/12/2015 | Thông tư 59/2015/TT-BCT quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động |  | Nghị định số 52/2013/NĐ-CP |
| 18/8/2015 | Thông tư 24/2015/TT-BTTTT quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet |  | Nghị định số 72/2013/NĐ-CP |
| 28/7/2015 | Thông tư 110/2015/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế |  | Nghị định số 27/2007/NĐ-CP |
| 27/02/2015 | Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế gỉá trị gia tăng và quản lý thuế tai Nghị đinh số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tỉết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổỉ, bổ sung môt số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | Hết hiệu lực một phần |  |
| 31/12/2014 | Thông tư 46/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt |  | Nghị định số101/2012/NĐ-CP |
| 05/12/2014 | Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử (thay thế Thông tư số 12/2013/TT-BCT quy định thủ tục thông báo, đăng ký và công bố thông tin liên quan đến website thương mại điện tử) |  | Nghị định số 52/2013/NĐ-CP |
| 25/08/2014 | Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế | Hết hiệu lực một phần |  |
| 31/3/2014 | Thông tư 39/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | Hết hiệu lực một phần |  |
| 28/6/2013 | Thông tư 87/2013/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán |  |  |
| 10/9/2012 | Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ Luật hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông |  | Bộ Luật Hình sự |
| 31/3/2011 | Thông tư 08/2011/TT-BTTTT sửa đổi thông tư 37/2009/TT-BTTTT quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành |  |  |
| 14/3/2011 | Thông tư 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ |  | Nghị định số 27/2007/NĐ-CP |
| 15/11/2010 | Thông tư 25/2010/TT-BTTTT quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước |  | Nghị định số 64/2007/NĐ-CP |
| 14/12/2009 | Thông tư 37/2009/TT-BTTTT quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số | Hết hiệu lực một phần | Nghị định số 26/2007/NĐ-CP |
| 31/7/2009 | Thông tư 26/2009/TT-BTTTT quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước |  | Nghị định số 64/2007/NĐ-CP |
| 02/03/2009 | Thông tư 03/2009/TT-BTTTT quy định về mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet |  | Nghị định số 90/2008/NĐ-CP |
| 15/09/2008 | Thông tư 78/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/ NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính |  | Nghị định số 27/2007/NĐ-CP |

1. Số lượng thông tin phản ánh tính theo năm [↑](#footnote-ref-1)